CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sông Ba

Ngày 30/06/2025	29,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.0%	**4.3%**	**5.7%**

DT thuần
Q2/25
58.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.0| -28.1%
YoY: ▲ 14.3| 32.4%

LN thuần
Q2/25
30.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.5| -32.3%
YoY: ▲ 10.4| 52.3%

LN sau thuế
Q2/25
24.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.6| -32.2%
YoY: ▲ 7.10| 40.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
54.4%
YoY: +/-▼ 2.4%

ROE (TTM)
Q2/25
14.0%
YoY: +/-▲ 2.0%

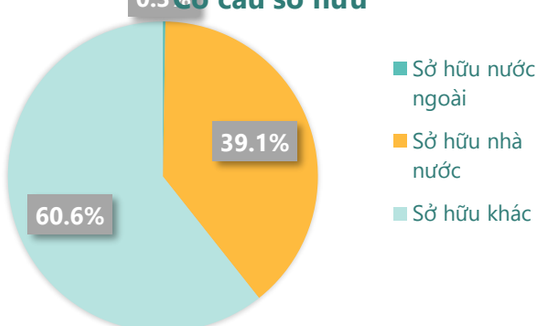
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	27,705 - 31,419
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,803
Số lượng CPLH (CP)	60,488,261
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,850
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.27
EPS	2,147
P/E	13.9

DT thuần
6T 2025
140
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.0| 34.4%

LN thuần
6T 2025
75.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.2| 50.5%

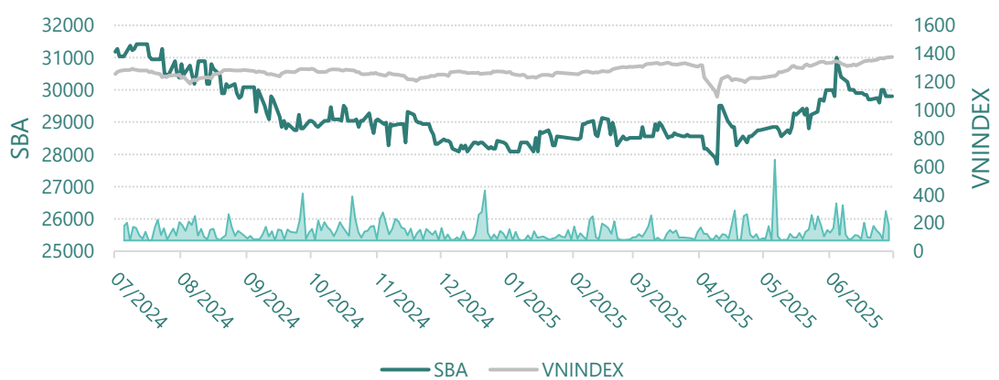
LN sau thuế
6T 2025
60.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.3| 36.7%

Cơ cấu sở hữu

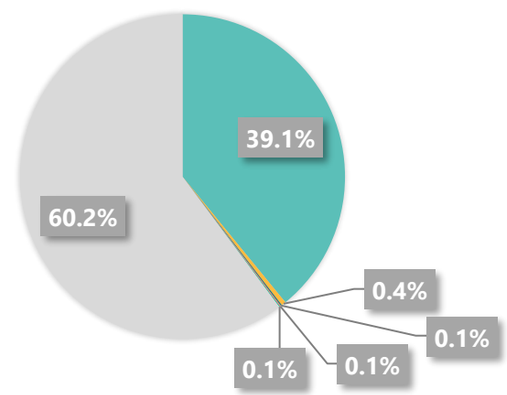


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

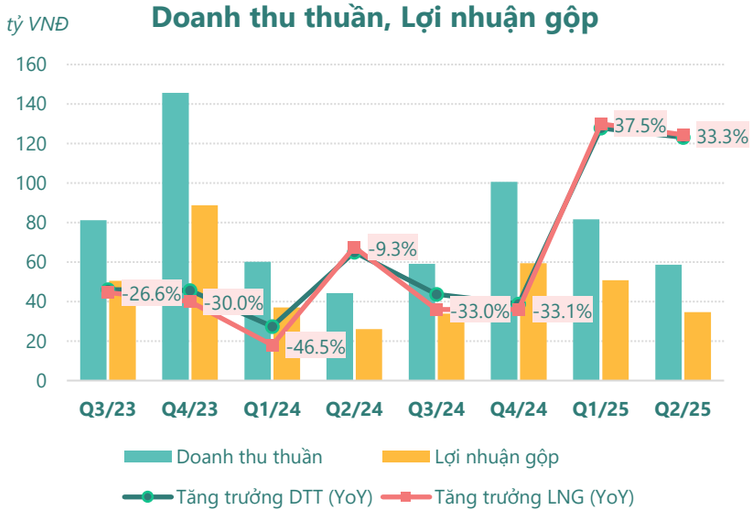


- Tổng Công ty điện lực miền Trung
- Phạm Phong (Thành viên HĐQT)
- Thái Văn Thắng
- Nguyễn Hữu Tâm
- Hoàng Nam Sơn (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

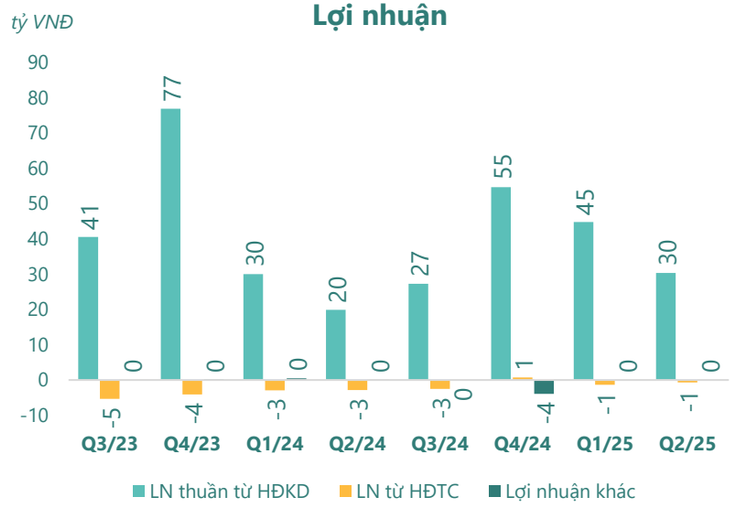
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



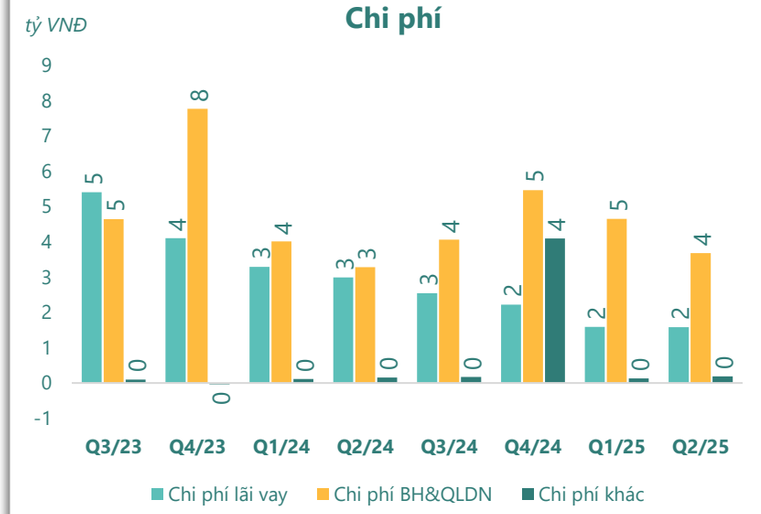
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



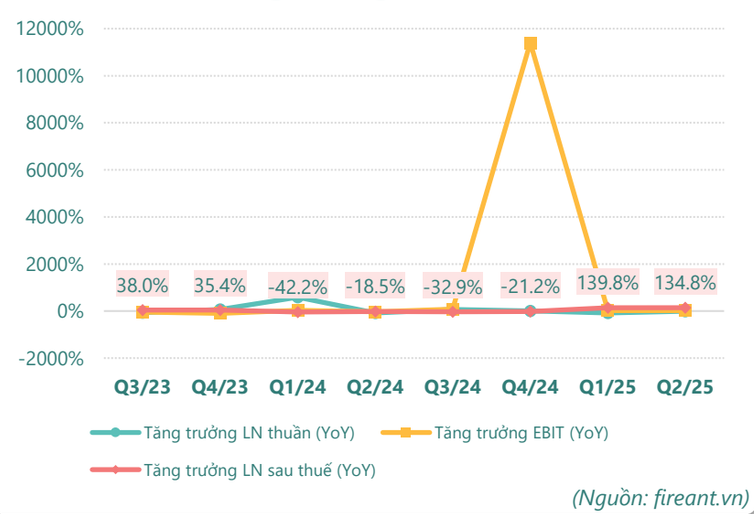
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



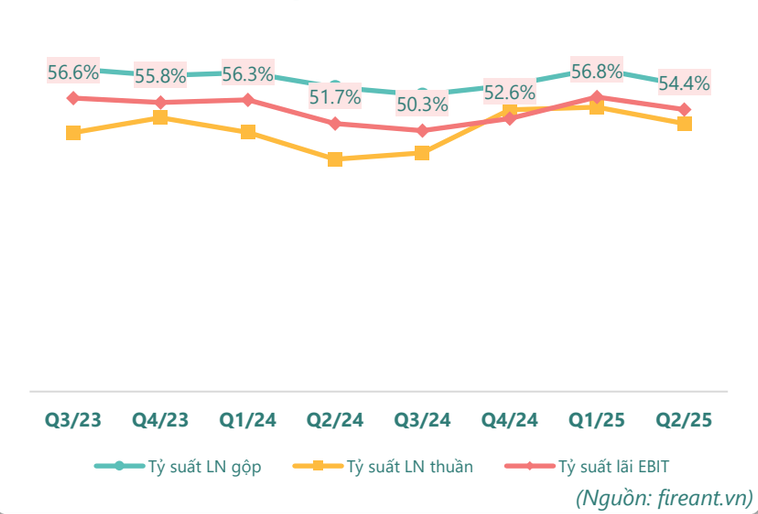
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



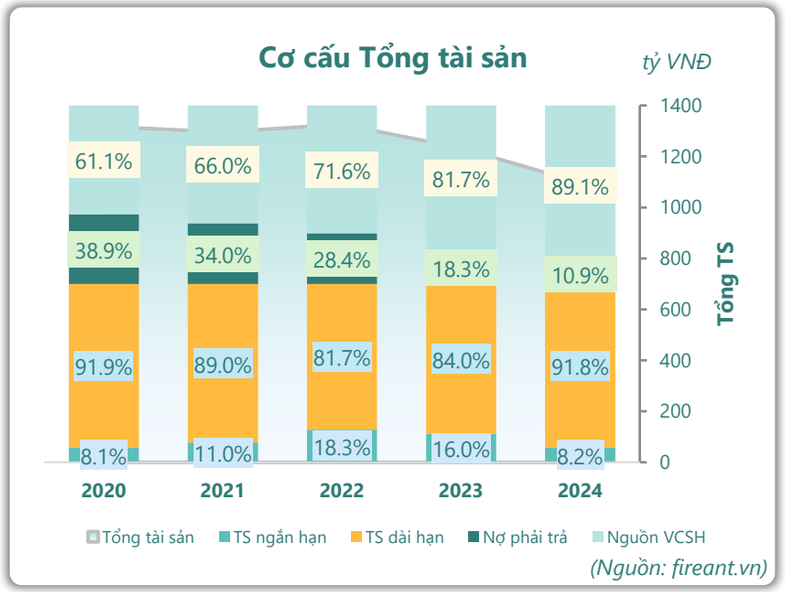
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

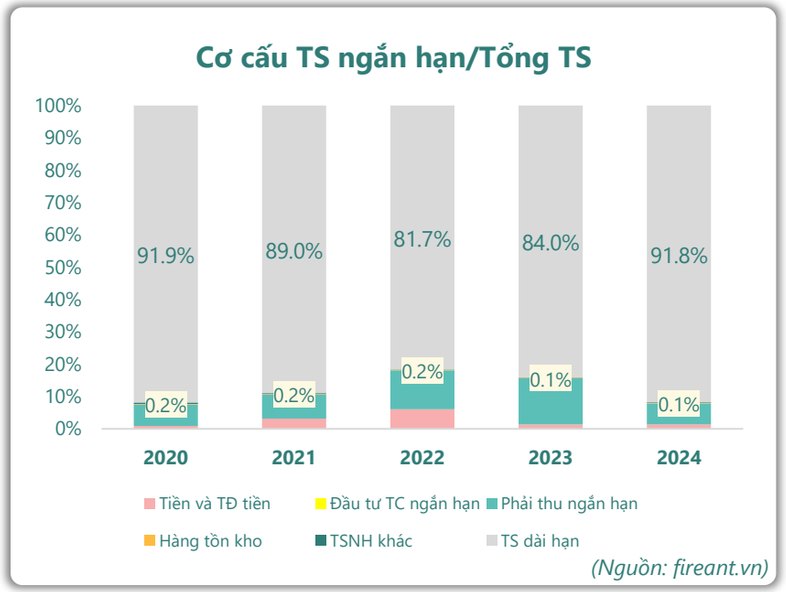


(Nguồn: fireant.vn)

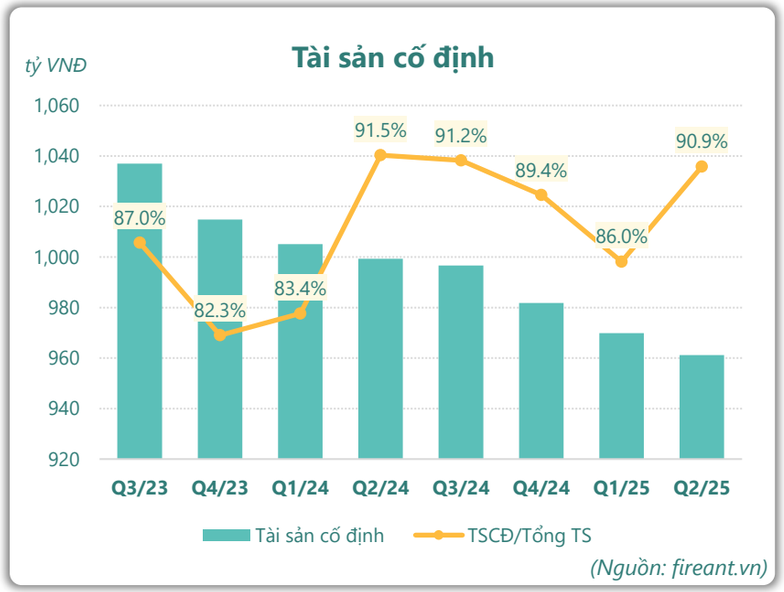
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



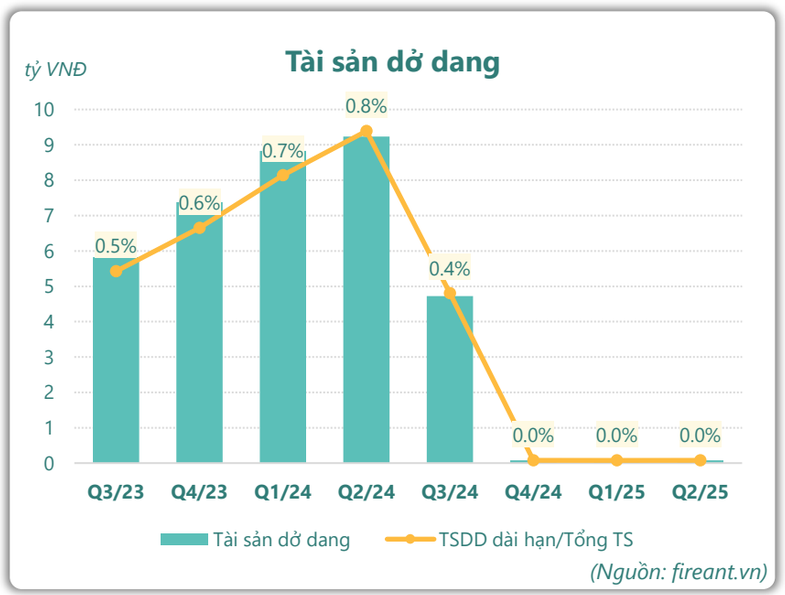
(Nguồn: fireant.vn)



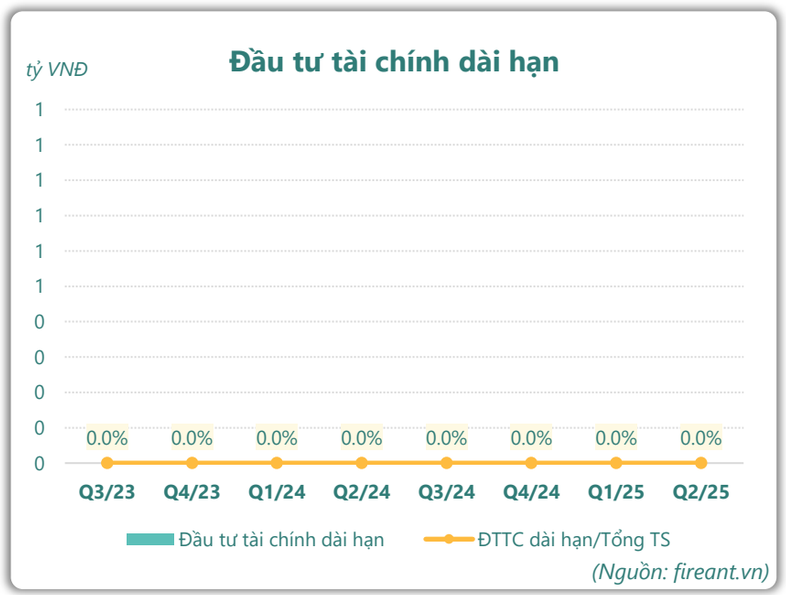
(Nguồn: fireant.vn)



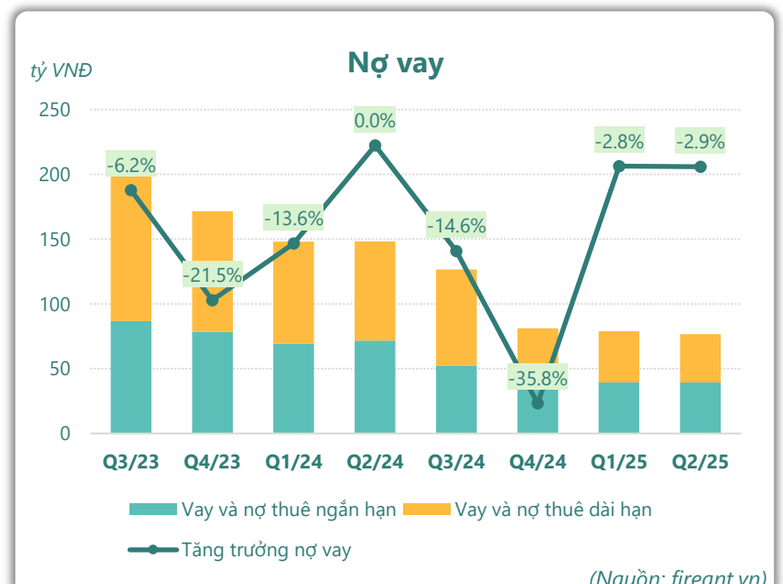
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



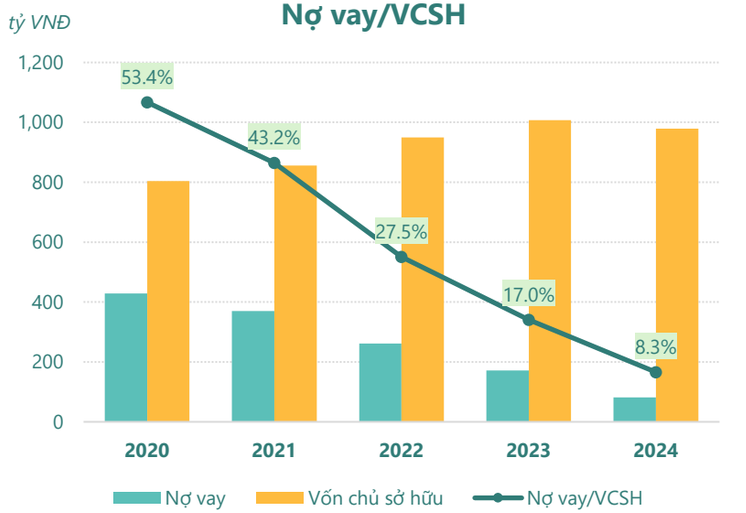
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

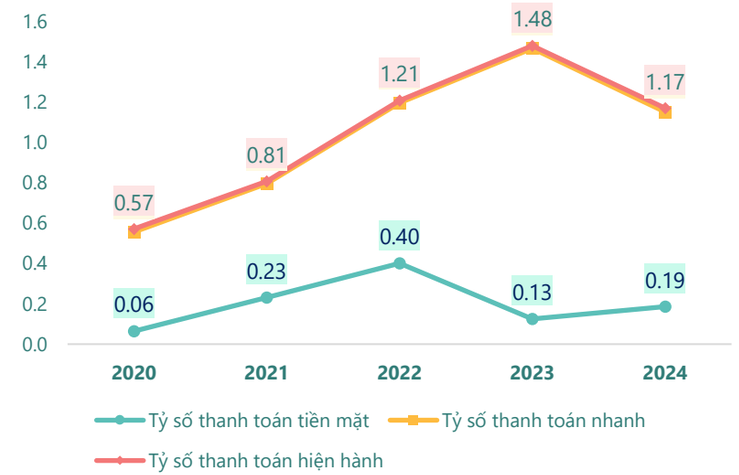
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



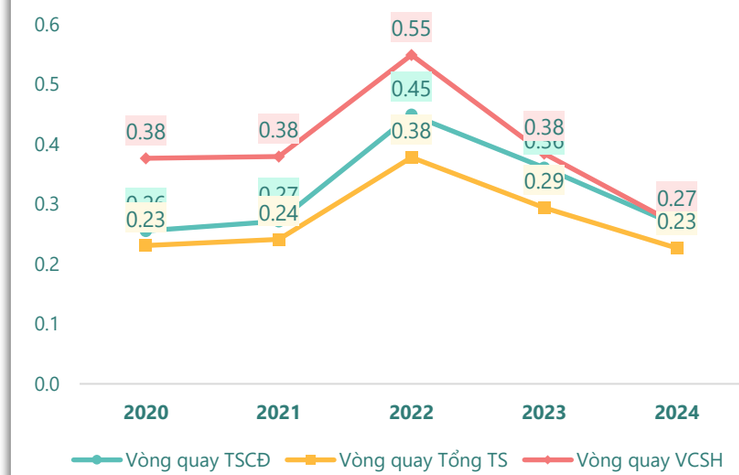
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



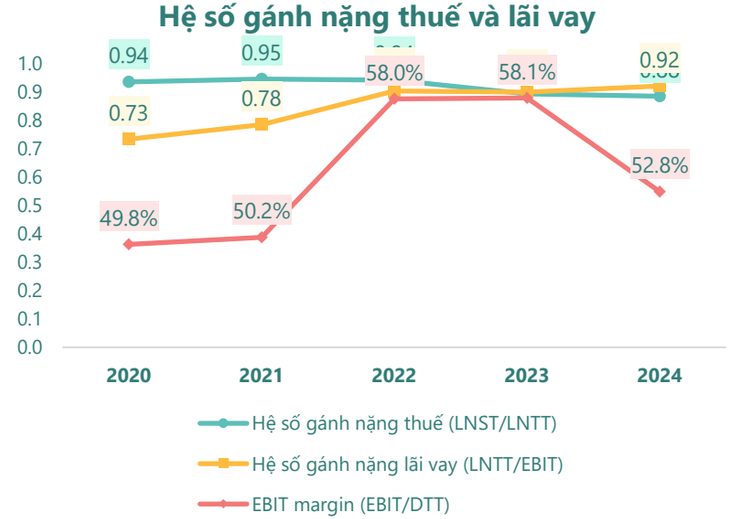
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



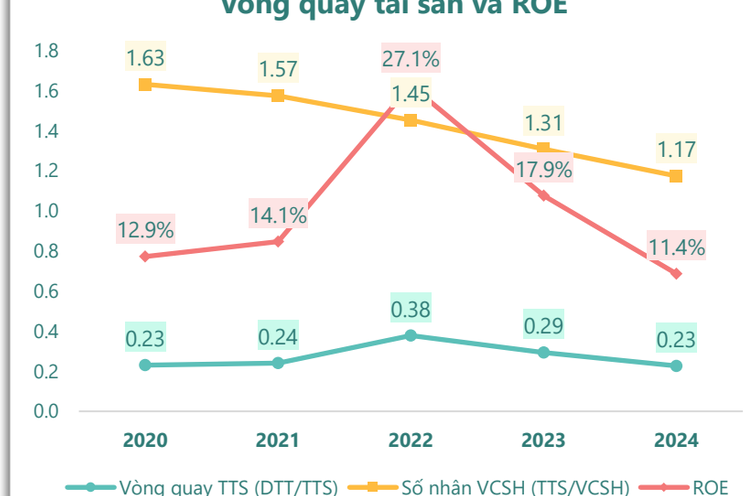
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



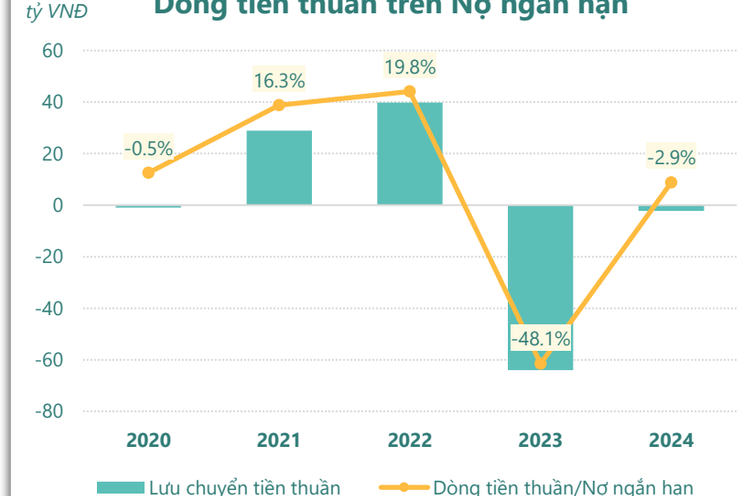
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**58.6**	**44.3**	**32.4%**	**140**	**104**	**34.4%**
Giá vốn hàng bán	24.0	18.3	31.0%	54.8	41.4	32.3%
Lợi nhuận gộp	34.7	26.0	33.3%	85.5	63.0	35.7%
Doanh thu HĐTC	0.93	0.71	31.3%	1.16	1.10	5.5%
Chi phí TC	1.61	3.58	-55.1%	3.23	6.89	-53.2%
Chi phí lãi vay	1.58	2.99	-47.0%	3.18	6.29	-49.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.68**	**3.28**	**12.2%**	**8.33**	**7.29**	**14.2%**
LN thuần từ HĐKD	30.3	19.9	52.3%	75.1	49.9	50.5%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.06**	**-100%**	**0**	**0.55**	**-100%**
LN trước thuế	30.3	19.9	52.3%	75.1	50.4	48.9%
Lợi nhuận sau thuế	**24.6**	**17.5**	**40.3%**	**60.7**	**44.4**	**36.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**24.6**	**17.5**	**40.3%**	**60.7**	**44.4**	**36.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	95.2	70.3	7.93	46.2	64.9	37.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.58	0.98	-2.34	2.55	0.04	0.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.4	-128	-26.1	-45.5	-2.55	-89.2
Tiền đầu kỳ	16.7	87.9	31.6	11.2	14.4	76.8
Lưu chuyển tiền thuần	**71.2**	**-56.2**	**-20.5**	**3.23**	**62.4**	**-50.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	87.9	31.6	11.2	14.4	76.8	26.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,057**	**1,098**	**-3.7%**
Tài sản ngắn hạn	75.4	90.3	-16.5%
Tiền và tương đương tiền	26.0	14.4	80.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	46.4	72.4	-35.9%
Hàng tồn kho	1.46	1.45	0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.55	2.10	-26.2%
Tài sản dài hạn	**982**	**1,007**	**-2.5%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	961	982	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**20.8**	**25.8**	**-19.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	114	119	-4.2%
Nợ ngắn hạn	**76.8**	**77.2**	**-0.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.3	39.2	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.66	0.76	-13.4%
Nợ dài hạn	37.3	42.0	-11.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	37.3	42.0	-11.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**943**	**979**	**-3.6%**
Vốn chủ sở hữu	**943**	**979**	**-3.6%**
Vốn điều lệ	605	605	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)